

Bản án số: 10/2026/HS-ST

Ngày: 23 - 3 - 2026

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Thanh Huệ

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Thành Đông

Ông Phạm Thành Đồng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Ông Võ Minh Trung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và ngày 23 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2025/TLST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2026/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2026/QĐST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2026, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/TB-TA ngày 05 tháng 3 năm 2026, đối với bị cáo:

**Nguyễn Thanh L**, sinh ngày: 10/11/1974; nơi sinh: tại tỉnh V; tên gọi khác: không. Nơi cư trú: số 117, ấp H1, xã H, tỉnh V (trước khi sáp nhập là số 117, ấp H, xã H, huyện G, tỉnh B); nghề nghiệp: làm vườn; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn K, sinh năm 1937 (đã chết) và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1941; Vợ con chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/8/2024 cho đến nay (có mặt).

**- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh L:**

1. Luật sư Đinh Thị Bé M - Văn phòng Luật sư Đ - Đoàn Luật sư tỉnh T (nay là tỉnh Đ). Nơi cư trú: Số 105D, khu phố B1, phường B, tỉnh V (có mặt).

2. Luật sư Trần Minh V - Văn phòng Luật sư Trần Minh V - Đoàn Luật sư tỉnh B (nay là tỉnh V). Nơi cư trú: Số 381B, Khu phố A, phường P, tỉnh V (có mặt).

**- Người bị hại:** Ông Lê Văn C, sinh năm 1960. Nơi cư trú: Ấp H1, xã H, tỉnh V (có mặt).

**- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Lê Văn C:** Luật sư Lê Thị Yến N - Văn phòng Luật sư Võ Tấn T - Đoàn Luật sư tỉnh B (nay là tỉnh V). Nơi cư trú: Ấp G, xã T, tỉnh V (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Ấp H1, xã H, tỉnh V (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Ấp H1, xã H, tỉnh V (có mặt).

2. Ông Đặng Văn L, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Ấp H1, xã H, tỉnh V (có mặt).

3. Bà Lê Thị T, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Số X, Ấp H1, xã H, tỉnh V (có mặt).

4. Ông Đặng Thanh L, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Số Z, Ấp H1, xã H, tỉnh V (vắng mặt).

5. Ông Trần Văn Q, sinh năm 1960. Nơi cư trú: Số D, Nguyễn Văn T, phường B, tỉnh V (vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thanh L và ông Lê Văn C cùng trú tại ấp H1, xã H, huyện G, tỉnh B (nay là ấp H1, xã H, tỉnh V) đã có mâu thuẫn trước đó về ranh đất. Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 19/3/2022, ông C cùng vợ là bà Nguyễn Thị T bơi ghe đi thăm vườn tại ấp H1, xã H, huyện G, tỉnh B (nay là ấp H1, xã H, tỉnh V). Khi đến đầu mương ranh giữa đất của L với đất của ông C thì ông C nhìn thấy L đang xắn đất dưới mương ranh nên ông C lấy một cái ghế đầu và một đoạn gỗ có sẵn trên ghe rồi leo lên bờ dứa phía đất của ông C chạy đuổi theo về hướng của L. Thấy vậy, L leo lên bờ rồi đi nhanh ra lộ bê tông (lộ bê tông đi qua ngang hai bờ dứa của L và ông C), lúc này ông C chạy ra đến lộ bê tông thì nhìn thấy L đang đứng gần lộ bê tông trên bờ dứa của L. Ông C chạy đến vị trí L đang đứng, cả hai đứng đối diện nhau và xô xát đánh nhau. Ông C cầm đoạn cây gỗ mang theo đánh trúng vào trán L gây thương tích với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 03%, L nhặt đoạn cây gỗ dưới đất (dài khoảng 100cm, đường kính khoảng 04cm, loại gỗ còn tươi, rắn chắc - vật chứng không thu giữ được) đánh trúng vào tay và chân ông C gây thương tích. Khi cả hai làm rơi hung khí xuống đất, L và ông C tiếp tục giằng co, ôm vật nhau bằng tay không thì em ruột của L là Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị T và ông Đặng Văn L, chạy đến can ngăn.

- *Vật chứng tạm giữ:*

+ 01 đoạn gỗ màu xám, rắn chắc, chiều dài 64,5cm, đường kính 4,6cm, trọng lượng 0,81kg.

+ 01 cái ghế (loại ghế đầu) không có lưng dựa, bằng gỗ màu nâu, rắn chắc, mặt ghế hình chữ nhật kích thước (25,7 x 19,7)cm, chiều cao 48,7cm, ghế có 04 chân, mỗi chân ghế dài 47cm, trọng lượng ghế là 2,51kg.

Các vật chứng nêu trên thuộc sở hữu của bị hại C, tiếp tục tạm giữ.

- *Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 263-922/TgT ngày*

08/9/2022 của Trung tâm Pháp y tỉnh B (nay là tỉnh V) kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích của ông Lê Văn C là 27%.

- Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 6252/C09B ngày 30/11/2022 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố H kết luận thương tích của ông Lê Văn C như sau:

- + Sẹo 1/3 trên mặt ngoài cẳng chân trái: 01%.
- + Sẹo 1/3 trên mặt trước cẳng chân trái: 01%.
- + Sẹo mắt cá ngoài: 01%.
- + Sẹo mắt cá trong: 01%.
- + Gãy đốt gần ngón I, bàn tay (P): 03%.
- + Gãy 1/3 trên xương chày (T): 11%.
- + Gãy mắt cá trong chân (T): 11%.
- + Gãy mắt cá ngoài chân (T): 01%

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra tại thời điểm giám định của ông Lê Văn C là 27%.

- Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 6251/C09B ngày 30/11/2022 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố H kết luận: Các thương tích của ông Lê Văn C có đặc điểm phù hợp do vật tày tác động gây ra. Không đủ cơ sở khoa học trả lời cơ chế hình thành thương tích.

- Tại Kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể trên người sống số 141/25/KLTTCT-TTPYBT ngày 19/6/2025 của Trung tâm Pháp y tỉnh B (nay là tỉnh V) kết luận: Thương tích của ông Lê Văn C (không tính sẹo mổ) là do tác động ngoại lực, do vật tày gây ra. Không thể xác định chiều hướng tác động gây ra thương tích. Không đủ cơ sở trả lời câu hỏi “Nếu ông C bị xô đẩy, vật té ngã trên nền đất thì có gây ra thương tích như trong Giấy chứng nhận thương tích của ông C không?”.

- Tại Công văn số 128/CV-PY ngày 30/6/2025 của Trung tâm Pháp y tỉnh B (nay là tỉnh V) về việc giải thích Kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể trên người sống số 141/25/KLTTCT-TTPYBT ngày 19/6/2025 của Trung tâm Pháp y tỉnh B như sau: Vật tày cứng (như gậy gỗ, gậy kim loại, đá, bê tông,... có đặc tính không biến dạng nhiều khi va chạm, nên khi đánh vào cơ thể sẽ truyền lực tác động trực tiếp và mạnh mẽ vào mô xương, dễ gây ra gãy xương. Dựa vào những đặc điểm của vật tày cứng nêu trên, Trung tâm Pháp y tỉnh B nhận định thương tích của ông Lê Văn C (không tính sẹo mổ) là do vật tày cứng gây ra.

Quá trình điều tra:

- Đối với bị cáo L khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được, cụ thể: Tại biên bản ghi lời khai ngày 13/8/2024 (BL số 491), ngày 21/8/2024 (BL 496-498) bị cáo L khai: khi ông C cầm đoạn gỗ đánh trúng đầu bị cáo L thì bị cáo L lùi về phía sau, đứng đối diện với ông C cách khoảng 1,2m, bị cáo L cầm một đoạn gỗ dài khoảng 01m, đường kính khoảng 04cm, loại cây tươi, rần

chắc, bị cáo L cầm trên hai tay, đánh nhiều cái từ phải qua trái chéch từ trên xuống dưới và đánh nhiều cái từ trái qua phải chéch từ trên xuống dưới trúng vào tay, chân của bị hại C. Vào ngày 12/7/2024, tại bút lục số 321, bị cáo L vẽ bản mô tả đoạn gỗ dùng để đánh gây thương tích đối với bị hại C có chiều dài 100cm, đường kính 04cm, mô tả bằng gỗ rắn chắc, gỗ còn tươi, trọng lượng khoảng 1,2kg.

- Đối với bị hại C cho rằng thương tích của bị hại là do bị cáo L và H sử dụng đoạn cây gỗ đánh gây thương tích, L đánh trúng tay còn H đánh trúng chân, tuy nhiên cũng có bản khai ngày 14/8/2024 của bị hại khai có nội dung là khi hai bên đánh nhau thì L tay cầm đoạn gỗ, tay cầm cái len đánh về phía bị hại.

- Đối với bà T là vợ bị hại cho rằng thương tích của bị hại C là do bị cáo L và H sử dụng đoạn gỗ đánh gây thương tích, L đánh trúng tay còn H đánh trúng chân.

- Tuy nhiên, sau đó bị cáo L xác định lại lời khai là do ông C chạy chặn đường và đánh bị cáo gây thương tích, nên việc bị cáo đánh ông C thuộc trường hợp phòng vệ chính đáng, chỉ đánh trúng tay, không có đánh vào chân của ông C.

- Đối với bà T, trong quá trình điều tra lại tại biên bản lấy lời khai ngày 04/6/2025 (BL số 476 - 479) bà xác định không nhìn thấy ông H đánh ông C và bà khẳng định lời khai này của bà chính xác, trong giai đoạn điều tra trước đây bà khai là do bà tự nghĩ ra suy đoán là ông H đánh ông C chứ thực tế bà không trực tiếp nhìn thấy ông H đánh ông C.

- Đối với lời khai của bị hại C, trong giai đoạn điều tra lại (tại BL1059 - 1061,1064 - 1066) ông C, khẳng định lại toàn bộ thương tích ở tay và chân của ông C là do bị cáo L đánh và xác định lại lời khai trước đây của ông là khai chưa chính xác, lý do khai không chính xác là lúc đó ông C bị hoảng loạn, ông thấy H đứng phía sau nghĩ là H cũng có đánh ông, đồng thời sau khi sự việc xảy ra ông nghe bà T nói lại không rõ ràng nên ông khai là H có đánh vào chân của ông. Ông C khẳng định lại không thấy H đánh vào chân của ông C.

- Đối với ông L xác định khi chạy đến nơi xảy ra sự việc chỉ nhìn thấy ông H đang ôm kéo L, bà T kéo ông C, còn ông L khi chạy đến thì gỡ tay ông L ra vì lúc đó L còn nắm tóc ông C, sau đó nhìn thấy trên đầu L có chảy máu, còn ông C còn ngồi dưới đất một lúc sau thì nghe nói ông C bị gãy chân.

- Đối với ông H xác định khi chạy đến, thì thấy ông L và ông C giằng co với nhau trong tư thế ông C nằm ngửa còn ông L nằm sấp úp vào người ông C, ông H kéo ông L ra nhưng chưa kéo được thì bà T cũng chạy đến ôm kéo ông C, còn ông H tiếp tục kéo ông L, lúc này ông L cũng chạy đến dùng hai tay gỡ hai tay ông L ra không cho ông L nắm tóc ông C nữa. Sau khi can ngăn thì ông C ngồi bẹp xuống đất, còn ông H và ông L đưa ông L về nhà. Ông H xác định không đánh ông C nên có nhờ ông Q đi đến nhà ông C để năn nỉ ông C.

- Đối với ông Q: Trong quá trình điều tra tại biên bản lấy lời khai ngày 04/8/2024 (BL số 646- 647), có thể hiện nội dung, ông Q xác định có nghe ông L kể ngày xảy ra sự việc ông L và ông C đánh nhau thì H chạy ra đánh ông C. Sau khi kể xong thì H nói với ông Q nhờ ông Q xuống dưới phụ giúp năn nỉ dùm tụi em, ngày ông Q xuống nhà ông C thì H không đi nên ông Q có hỏi L thì L nói để một mình L

đi thôi chứ vợ con H làm việc nhà nước nên khỏi đi, một mình ông L đứng ra chịu. Tuy nhiên, sau khi L kể rất nhiều chuyện về việc mâu thuẫn ranh đất với ông C nên chỉ nhớ là khi ông C bơi xuống đi vườn phát hiện L xắn đất nương ranh, lúc đó ông C cầm ghế rượt đánh L, còn L nhặt đoạn gỗ đánh lại ông C, còn H chạy đến có đánh ông C hay không thì ông Q không nhớ rõ, do H có nói có gì anh giúp tui em nên ông Q nghĩ là H có đánh ông C và ông Q xác định cũng không nghe rõ câu chữ là L nói sẽ nhận thay cho H do H đánh ông C.

- Đối với ông L tại đơn trình bày ý kiến ngày 18/3/2025, ông L trình bày có thể hiện nội dung: Vào chiều ngày 19 tháng 3 năm 2022 ông L có đi đón dứa cùng với ông L tại vườn dứa nhà L, khi đang đón dứa thì ông nghe có tiếng người la lớn khu vực gần ngoài đường đi, khi đó thì ông L nói để đi ra xem có việc gì. Một lúc sau ông L đi ra tới nơi thì không thấy còn ai ở đó nữa. Ông đi tiếp theo bờ dứa vườn của L thì thấy có một cái gàu bằng nhựa màu vàng bỏ dưới mé nương ranh giữa đất của anh L và vườn của ông C, ông đã nhặt cái gàu này đem vô để tại nhà cho L.

Bản cáo trạng số 04/CT-VKSKV7, ngày 25/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long truy tố Nguyễn Thanh L về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ, khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134) Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo L xác định những lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra là do bị cáo tự nguyện khai, không ai ép cung, mớm cung hay dùng nhục hình đối với bị cáo. Do có mâu thuẫn tranh chấp về ranh đất với nhau, vào ngày 19/3/2022, khi bị cáo L đang xắn đất trong phần đất đang tranh chấp thì ông C phát hiện và chạy đuổi theo đánh bị cáo L trúng vào trán bị cáo trước nên bị cáo L nhặt một đoạn cây gỗ đánh lại ông C, khi đánh hai bên đứng đối diện nhau, còn động tác đánh như thế nào thì bị cáo không nhớ để mô tả cụ thể vì thời gian xảy ra sự việc đến nay đã quá lâu. Bị cáo đồng ý nội dung cáo trạng truy tố và thừa nhận thương tích của ông C 27% là do bị cáo đánh, bị cáo xác định khi hai bên đánh nhau không có ai chứng kiến và H không có đánh ông C, chỉ có một mình bị cáo đánh bị hại.

- Bị hại đồng ý với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát, bị hại cho rằng vào ngày 19/3/2022, do bức xúc về việc bị cáo L xắn đất tại phần đất đang tranh chấp nên bị hại đã lấy một cái ghế đầu và một đoạn gỗ có sẵn trên ghe rồi leo lên bờ dứa chạy về hướng của L khi đến lộ bê tông, khi đuổi theo gặp L thì cả hai đứng đối diện nhau. Bị hại cầm đoạn cây gỗ mang theo đánh trúng vào trán L gây thương tích với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 03%, L nhặt đoạn cây gỗ dưới đất đánh trúng vào tay và chân bị hại gây thương tích. Khi cả hai làm rơi cây xuống đất, bị hại và L tiếp tục giằng co, ôm vật nhau bằng tay không thì em ruột của L là Nguyễn Thanh H, bà T là vợ bị hại và ông Đặng Văn L, chạy đến can ngăn. Bị hại xác định toàn bộ thương tích của bị hại là do bị cáo L gây ra. Sau đó bị hại được gia đình đưa đi bệnh viện điều trị, bị hại bị thương ở tay và chân. Theo kết quả giám định thì bị hại bị thương tích 27%. Về trách nhiệm hình sự bị hại có yêu cầu xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật, về trách nhiệm dân sự: Bị hại có yêu cầu bị cáo L bồi thường thiệt hại bao gồm các khoản: Chi phí điều trị và tái khám là 11.282.633 đồng; khoản mất thu nhập của bị hại từ ngày nhập viện 19/3/2022 đến ngày 10/10/2022 lần tái khám lần cuối, khoản

tiền này bị hại thuê người khác thay bị hại chăm sóc vườn dừa mỗi tháng là 1.000.000 đồng và tiền thuê thu hoạch dừa hàng tháng mỗi tháng là 5.000.000 đồng, với tổng chi phí là 40.200.000 đồng; khoản mất thu nhập của người chăm sóc cho ông C trong thời gian điều trị (vợ bị hại) từ ngày nhập viện 19/3/2022 đến ngày 10/10/2022 lần tái khám lần cuối. Bị hại C cho rằng trong thời gian bà T phải chăm sóc do ông không sinh hoạt bình thường được nên bà T phải thuê người làm những công việc hàng ngày là chăn nuôi gà được mà phải thuê bà Tr phụ chăn nuôi gà, phải trả tiền thuê cho bà Tr 07 tháng, mỗi tháng là 5.000.000 đồng là 35.000.000 đồng; khoản tiền tổn thất tinh thần là 10 tháng x 2.340.000 đồng/ tháng = 23.400.000 đồng, với tổng số tiền là 109.882.633 đồng, bị hại đã nhận được số tiền bị cáo bồi thường là 40.000.000 đồng.

- Theo yêu cầu của bị hại về trách nhiệm dân sự, bị cáo đồng ý bồi thường các khoản: Chi phí điều trị và tái khám là 11.282.633 đồng, tổn thất tinh thần là 23.400.000 đồng; khoản mất thu nhập của người chăm sóc cho bị hại trong thời gian điều trị là 17.000.000 đồng; khoản mất thu nhập của bị hại trong thời gian điều trị là 20.000.000 đồng, tổng cộng là 71.682.633 đồng. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại với số tiền 40.000.000 đồng.

- Bà T xác định không thấy ông H đánh ông C, thương tích của ông C là do bị cáo L đánh. Đồng thời bà cho rằng trong thời gian ông C nằm viện và điều trị thì bà phải chăm sóc, không làm công việc hàng ngày được nên ông C và bà T phải thuê bà Tr nuôi gà trong thời gian 07 tháng với số tiền là 35.000.000 đồng, nên bà T yêu cầu bồi thường cho ông C và đồng ý để cho ông C được nhận số tiền này.

- Ông L xác định khi nghe tiếng la nên ông chạy về hướng đường lộ bê tông khi chạy đến nơi thì thấy ông L và ông C ôm vật với nhau, ông H kéo L, còn bà T kéo ông C nên ông L đã phụ can ra, không thấy ông H đánh ông C, ông khẳng định lời khai của ông tại phiên tòa và lời khai trong quá trình điều tra là thống nhất với nhau.

- Ông H xác định lời khai của ông từ trước đến nay ông luôn xác định là không có đánh ông C, khi ông chạy đến thì thấy ông C và ông L ôm vật với nhau thì ông can ngăn ra, cùng lúc đó thì có bà T và ông L cũng chạy đến cùng phụ can ngăn, ông đã đưa ông L về nhà và chở đi điều trị vết thương, ông khẳng định lời khai của ông tại phiên tòa và lời khai trong quá trình điều tra là thống nhất với nhau.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thanh L.

- Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh L phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh L mức án tù 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 đoạn gỗ màu xám, rắn chắc, chiều dài 64,5cm, đường kính 4,6cm, trọng lượng 0,81kg;

+ 01 cái ghế (loại ghế đầu) không có lưng dựa, bằng gỗ màu nâu, rắn chắc, mặt ghế hình chữ nhật kích thước (25,7 x 19,7)cm, chiều cao 48,7cm, ghế có 04 chân, mỗi chân ghế dài 47cm, trọng lượng ghế là 2,51kg.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/10/2024 hiện nay Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 - Vĩnh Long đang giữ).

- Về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Ghi nhận giữa bị cáo và bị hại đã thỏa thuận với nhau về các khoản bồi thường thiệt hại: Chi phí điều trị và tái khám là 11.282.633 đồng, khoản tổn thất về tinh thần là 23.400.000 đồng.

+ Đối với khoản mất thu nhập của người chăm sóc bị hại, phía bị hại yêu cầu là 35.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận 15.000.000 đồng, tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo đồng ý tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền là 17.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo.

+ Đối với khoản thu nhập bị mất của bị hại trong thời gian điều trị bị hại có yêu cầu là 40.200.000 đồng, do các bên chưa thỏa thuận được đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các Điều 584, 585, 586 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo L bồi thường theo quy định của pháp luật.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận bị cáo L đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại C số tiền 40.000.000 đồng.

Các Luật sư bào chữa cho bị cáo cùng thống nhất trình bày quan điểm: thống nhất với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long truy tố đối với bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích”, thống nhất với điều luật mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo, mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 đến 05 năm là phù hợp với quy định của pháp luật, bởi vì bị cáo là phạm tội lần đầu, bị cáo không có tiền án tiền sự, có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại, trong vụ án này việc bị cáo gây thương tích đối với bị hại là xuất phát từ lỗi của bị hại đã gây thương tích cho bị cáo trước, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về trách nhiệm dân sự, đối với yêu cầu của bị hại, bị cáo đồng ý bồi thường các khoản tổng cộng với số tiền là 71.682.633 đồng. Bị cáo L đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 40.000.000 đồng, yêu cầu xem xét phân trách nhiệm dân sự trong trường hợp bị hại cũng có lỗi.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày quan điểm: thống nhất với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long đối với bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích”, theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự, về tình tiết giảm nhẹ thống nhất với viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho bị cáo là tự nguyện bồi thường

thiệt hại, thành khẩn khai báo, bị hại có một phần lỗi theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, Viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo hưởng án treo là chưa tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, chưa thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử phạt tù đối với bị cáo nhưng áp dụng Điều 54 hạ khung hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tranh luận: Trong vụ án này cả bị hại và bị cáo đều có lỗi, đối với bị hại dùng đoạn gỗ là hung khí nguy hiểm đánh gây thương tích bị cáo với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 03%, đã bị kết án tại Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2024/HS-ST ngày 05/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long), bị cáo sử dụng đoạn cây gỗ là hung khí nguy hiểm đánh trúng vào tay và chân ông C gây thương tích với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 27%. Tuy nhiên, nguyên nhân bị cáo đánh bị hại xuất phát từ lỗi của bị hại, đã chủ động tấn công bị cáo trước nên xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đồng thời bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự như tự nguyện bồi thường thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tại phiên tòa bị cáo và người thân gia đình bị cáo gửi lời xin lỗi đối với bị hại, bị cáo không có tiền án tiền sự, có nhân thân tốt có nơi cư trú rõ ràng, nên Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 đến 05 năm là phù hợp với quy định của pháp luật, đối với người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không phù hợp với quy định pháp luật nên không chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Đối với bị cáo có đơn khiếu nại ghi ngày 28/10/2025, khiếu nại Bản kết luận điều tra vụ án hình sự số B137/BKL-VPCQCSĐT ngày 27/10/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh, đối với đơn khiếu nại này đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2289/QĐ-VPCQCSĐT ngày 14 tháng 11 năm 2025. Tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, người làm chứng ông Đặng Thanh L và ông Trần Văn Q vắng mặt, đối với ông Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, trong quá trình điều tra những người làm chứng này đã có lời trình bày rõ ràng nên sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Đối với vụ án này bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà T, người làm chứng ông Q trong quá trình điều tra thì lời khai của từng người trong từng giai đoạn đều không thống nhất nhau. Hiện trường nơi xảy ra vụ án không có ai trực tiếp chứng kiến sự việc bị cáo L và bị hại C xô xát và đánh nhau. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo L xác định những lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra là do bị cáo tự nguyện khai, không ai ép cung, mớm cung hay dùng nhục hình đối với bị cáo. Bị cáo đồng ý với nội dung cáo trạng và thừa nhận thương tích của ông C là 27% là do bị cáo đánh, lời khai này là phù hợp với lời khai của bị hại tại phiên tòa.

Như vậy, căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị hại, những người làm chứng và các chứng cứ thu thập trong quá trình điều tra đều phù hợp nhau và có cơ sở xác định ông H không có tham gia cùng bị cáo L gây thương tích cho bị hại C trong vụ án này.

Lời khai nhận tội của bị cáo L tại phiên tòa phù hợp với các bản khai trong quá trình điều tra, bị cáo thừa nhận đã dùng đoạn gỗ đánh ông C trúng vào chân và tay, cụ thể tại biên bản ghi lời khai ngày 03/8/2022 (BL số 484), bị cáo L xác định bị cáo nhặt một đoạn gỗ dài khoảng 01m, đường kính khoảng 04cm, là đoạn gỗ trước đó bị cáo chặt để ở bờ của bị cáo để đem về làm cán len để đánh lại ông C. Tại biên bản ghi lời khai ngày 13/8/2024 (BL số 491) ngày 21/8/2024 (BL 496 - 498) bị cáo L khai: khi ông C cầm đoạn gỗ đánh trúng đầu bị cáo L thì bị cáo L lùi về phía sau, đứng đối diện với ông C cách khoảng 1,2m, bị cáo Linh cầm một đoạn gỗ dài khoảng 01m, đường kính khoảng 04cm, loại cây tươi, rắn chắc, bị cáo L cầm trên hai tay, đánh nhiều cái từ phải qua trái chéch từ trên xuống dưới và đánh nhiều cái từ trái qua phải chéch từ trên xuống dưới trúng vào tay, chân của ông C. Vào ngày 12/7/2024 (BL số 321), bị cáo L vẽ bản mô tả đoạn gỗ dùng để đánh gây thương tích đối với ông C có chiều dài 100cm, đường kính 04cm, mô tả bằng gỗ rắn chắc, gỗ còn tươi, trọng lượng khoảng 1,2kg.

Trong quá trình điều tra không thu giữ được đoạn gỗ do bị cáo L dùng để gây thương tích cho bị hại C, nhưng căn cứ vào lời khai nhận của bị cáo L, bị hại C kết quả thực nghiệm điều tra, kết luận giám định, giải thích kết luận giám định, kết quả giám định thương tật của ông C có cơ sở xác định đoạn gỗ mà bị cáo L sử dụng gây thương tích đối với bị hại C với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 27% là đoạn gỗ rắn chắc là có cơ sở.

Theo hướng dẫn tại điểm a, tiểu mục 2.2 mục 2, phần 1, Nghị quyết 02/2003/NQ-HĐTP, ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì đoạn cây gỗ là công cụ nguy hiểm. Như vậy, bị cáo L gây thương tích đối với bị hại C thuộc trường hợp “Dùng hung khí nguy hiểm”.

Mặc dù bị hại có cầm đoạn gỗ và ghé chạy về hướng bị cáo là có sự chủ động tấn công bị cáo trước, tuy nhiên căn cứ kết quả thực nghiệm điều tra đoạn đường mà bị cáo di chuyển từ dưới ruộng nước đến nơi xảy ra đánh nhau có tổng chiều dài là 25,9 mét, trong khi đoạn đường di chuyển của bị hại từ vị trí bị cáo nhìn thấy bị hại đến nơi xảy ra đánh nhau là 44,5 mét, tại hiện trường xảy ra vụ án hoàn toàn trống trải, có nhiều hướng di chuyển khác nhau. Khi bị hại chạy đến vị trí bị cáo đứng thì lúc đó bị cáo cũng không có động thái di chuyển đi về hướng khác để tránh sự tấn công của bị hại mà bị cáo và bị hại đứng đối diện nhau, bị cáo xác định khoảng cách bị cáo đứng đối diện với bị hại cách khoảng 1,2m, khi xô xát với nhau thì bị cáo bị ông C dùng đoạn gỗ đánh trúng vào trán, bị cáo dùng đoạn gỗ đánh trúng vào chân và tay của ông C. Do vậy, hành vi bị cáo L đánh bị hại không thuộc trường hợp phòng vệ chính đáng và cũng không thuộc trường hợp phạm tội trong trường hợp bị kích động về mặt tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân.

Từ đó, có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 19/3/2022, tại ấp H1, xã H, huyện G, tỉnh B (nay là ấp H1, xã H, tỉnh V) do đã có mâu thuẫn về tranh chấp ranh đất nên giữa Lê Văn C và Nguyễn Thanh L đã xảy ra xô xát đánh nhau. Bị hại C dùng đoạn cây gỗ là hung khí nguy hiểm đánh trúng vào trán L gây thương tích 3%, bị cáo L dùng đoạn cây gỗ là hung khí nguy hiểm đánh trúng vào tay và chân bị hại C gây thương tích với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 27%.

Đối với hành vi của Lê Văn C dùng đoạn cây là hung khí nguy hiểm đánh gây thương tích đối với Nguyễn Thanh L với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 03%, đã bị kết án tại Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2024/HS-ST ngày 05/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long) tuyên phạt Lê Văn C 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm, về tội Cố ý gây thương tích, bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Bị cáo L là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh L đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết là “dùng hung khí nguy hiểm” quy định tại điểm đ, khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134) Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long và lời buộc tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo Linh là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội:

Hành vi bị cáo gây ra là nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, bị cáo trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, hành vi của bị cáo còn ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa bàn nơi xảy ra vụ án. Trong vụ án này, chỉ một mình bị cáo gây thương tích đối với bị hại nên không có đồng phạm. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra.

Trong vụ án này bị cáo và bị hại đều có lỗi cố ý trực tiếp, hai bên có sự tranh chấp về ranh đất, tuy nhiên khi phát hiện bị cáo L lấn đất tại phần đất đang tranh chấp, lẽ ra bị hại phải báo chính quyền địa phương đến lập biên bản sự việc, nhưng bị hại đã không chọn cách giải quyết phù hợp mà chọn cách giải quyết là cầm ghế đầu, đoạn

gỗ chạy đuổi theo về phía bị cáo L là có sự chủ động tấn công bị cáo L trước, do vậy nguyên nhân bị cáo đánh bị hại xuất phát từ lỗi của bị hại trong việc làm phát sinh xô xát, đánh nhau. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[5] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo L có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngoài tình tiết định tội, định khung hình phạt thì không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo L đã tự nguyện bồi thường cho bị hại hai lần với số tiền là 40.000.000 đồng nhằm khắc phục một phần hậu quả do hành vi bị cáo gây ra đối với bị hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tại phiên tòa bị cáo và người thân trong gia đình bị cáo gửi lời xin lỗi đối với bị hại, bị hại có lỗi, do đó bị cáo được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Qua phân tích xem xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người khác, tuy nhiên hành vi của bị cáo gây thương tích đối với bị hại mang tính bột phát, nhất thời, không có sự chuẩn bị từ trước, không có tính chất côn đồ. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, bị hại có lỗi, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội, cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

[7] Về xử lý vật chứng:

- 01 đoạn gỗ màu xám, rắn chắc, chiều dài 64,5cm, đường kính 4,6cm, trọng lượng 0,81kg.

- 01 cái ghế (loại ghế đầu) không có lưng dựa, bằng gỗ màu nâu, rắn chắc, mặt ghế hình chữ nhật kích thước (25,7 x 19,7) cm, chiều cao 48,7cm, ghế có 04 chân, mỗi chân ghế dài 47cm, trọng lượng ghế là 2,51kg.

Là công cụ bị hại C dùng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy (hiện nay Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Vĩnh Long đang quản lý).

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, bị hại có yêu cầu bị cáo L bồi thường thiệt hại tổng số tiền 109.882.633 đồng, bao gồm các khoản: Chi phí điều trị và tái khám là 11.282.633 đồng, thu nhập bị mất là 40.200.000 đồng; khoản mất thu nhập của người chăm sóc cho ông C trong thời gian điều trị là 35.000.000 đồng; khoản tiền tổn thất tinh thần là 10 tháng x 2.340.000 đồng = 23.400.000 đồng.

Xét thấy, trong vụ án này cả bị cáo và bị hại đều có lỗi đánh nhau gây thương tích, bị hại C đánh bị cáo L tỉ lệ tổn thương là 3% thì bị hại cũng phải có nghĩa vụ bồi thường cho bị cáo, tuy nhiên do bị cáo không có yêu cầu bị hại bồi thường cho bị cáo, đối với thương tích của bị hại C là do bị cáo L gây ra nên việc bị hại C yêu cầu bị cáo L bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm là có cơ sở để xem xét.

- Về chi phí điều trị và tái khám của bị hại là 11.282.633 đồng (bao gồm tiền thuốc và chi phí đi lại); khoản tiền tổn thất tinh thần của bị hại là 23.400.000 đồng, bị cáo L đồng ý bồi thường các khoản này, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về thiệt hại mất thu nhập của bị hại C trong thời gian điều trị từ ngày nhập viện 19/3/2022 đến hết thời hạn tái khám ngày 10/10/2022: Tuy bị hại là người cao tuổi không thể lao động thường xuyên để tạo ra thu nhập ổn định nhưng trên thực tế công việc hàng ngày của bị hại là chăm sóc và thu hoạch dưa hàng tháng. Tổng cộng diện tích đất vườn dưa khoảng 23000m<sup>2</sup>, khi bị hại bị thương tích phải điều trị, bị hại phải thuê người khác thay bị hại thu hoạch dưa, chăm sóc vườn dưa hàng tháng, theo xác minh ngày 25/9/2024 ông Trần Thanh N xác định trong thời gian bị hại C bị thương tích điều trị có thuê ông chăm sóc vườn dưa mỗi tháng là 1.000.000 đồng (BL số 664-665) và theo biên bản xác minh ngày 25/9/2024 bà Ngô Thị Trúc L là người thu mua dưa hàng tháng của bị hại C xác định, trước khi ông C bị thương tích thì bị hại C tự thu hoạch dưa chở đến nơi để bán cho bà L, tuy nhiên sau khi bị hại C bị thương tích thì bị hại C thuê nhân công của bà L thu hoạch dưa hàng tháng cho đến nay, trung bình mỗi tháng bị hại Chưa trả tiền thuê công nhân cho bà L là 5.000.000 đồng/tháng (BL 666- 667). Như vậy, khoản mất thu nhập bị hại yêu cầu bị cáo L bồi thường với số tiền 40.200.000 đồng là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận.

- Đối với yêu cầu bồi thường mất thu nhập của người chăm sóc cho bị hại trong thời gian điều trị (vợ bị hại) từ ngày nhập viện 19/3/2022 đến ngày 10/10/2022 lần tái khám lần cuối theo yêu cầu của bệnh viện. Bị hại C cho rằng trong thời gian này ông không đi lại được, vợ ông phải lo cơm nước, vệ sinh cá nhân cho bị hại nên vợ của bị hại không chăn nuôi gà được mà phải thuê bà Tr phụ chăn nuôi gà, tiền lương phải trả cho bà Tr 07 tháng, mỗi tháng là 5.000.000 đồng với số tiền 35.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà Tr xác nhận có nội dung trên. Hội đồng xét xử xét thấy, với thương tích của bị hại C chỉ cần người thường xuyên chăm sóc bị hại trong thời gian 03 tháng đầu cũng đủ thời gian cho sức khỏe của bị hại dần ổn định. Sau ba tháng, ngoài thời gian chăm sóc bị hại, vợ của bị hại cũng có thời gian để làm các công việc khác của gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu thiệt hại về việc bị giảm thu nhập của người nuôi bệnh cho bị hại trong thời gian 03 tháng với số tiền công phải trả cho bị Tr 5.000.000 đồng x 3 tháng = 15.000.000 đồng, tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường là 17.000.000 đồng là sự tự nguyện của bị cáo nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm bị hại C yêu cầu là 23.400.000 đồng: Xét thấy, bị cáo L đã gây ra thương tích cho bị hại C với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 27%, hành vi của bị cáo đã gây tâm lý bất an, lo lắng cho bị hại. Tại khoản 2 Điều 590 Bộ luật Dân sự quy định: “Người chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp sức khỏe của người khác bị xâm phạm phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều này và một khoản tiền khác để

bù đắp tổn thất về tinh thần mà người đó gánh chịu. Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có sức khỏe bị xâm phạm không quá năm mươi lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định”. Căn cứ tỷ lệ thương tật của bị hại C là 27%. Hội đồng xét xử xét thấy, bị hại yêu cầu bị cáo L bồi thường tổn thất tinh thần bằng 10 tháng lương cơ sở tại thời điểm xét xử: 10 tháng x 2.340.000 đồng = 23.400.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Tại phiên tòa, bị cáo, bị hại thỏa thuận được mức bồi thường tổn thất tinh thần là 23.400.000 đồng, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tổng cộng tiền bị cáo có nghĩa vụ phải bồi thường cho bị hại là 91.882.633 đồng, ghi nhận bị cáo đã bồi thường cho bị hại là 40.000.000 đồng, bị cáo còn phải bồi thường cho bị hại với số tiền là 51.882.633 đồng.

[9] Đối với sự việc tranh chấp ranh đất giữa bị cáo và bị hại đã được Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử tại bản án dân sự sơ thẩm số 92/2023/DSST ngày 25/7/2023, sau đó bị cáo L kháng cáo và đã được Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử tại bản án dân sự phúc thẩm số 452/2023/DSPT ngày 05 tháng 12 năm 2023.

[10] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng trong vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo L đề nghị áp dụng điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[12] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[13] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thanh L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh L phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

1. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Phạt bị cáo Nguyễn Thanh L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 23/3/2026.

Giao bị cáo Nguyễn Thanh L cho Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh V, kết hợp cùng với gia đình bị cáo để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Việc giải quyết vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc đối với người được hưởng án treo thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu và tiêu hủy:

- 01 (một) đoạn gỗ màu xám, rắn chắc, chiều dài 64,5cm, đường kính 4,6cm, trọng lượng 0,81kg.

- 01 (một) cái ghế (loại ghế đầu) không có lưng dựa, bằng gỗ màu nâu, rắn chắc, mặt ghế hình chữ nhật kích thước (25,7 x 19,7)cm, chiều cao 48,7cm, ghế có 04 chân, mỗi chân ghế dài 47cm, trọng lượng ghế là 2,51kg.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/10/2024, hiện nay Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – Vĩnh Long đang quản lý).

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 357, 468, 584, 585, 586 và Điều 590 Bộ luật Dân sự.

Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Thanh L phải có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Lê Văn C là 91.882.633 đồng (chín mươi một triệu, tám trăm tám mươi hai nghìn sáu trăm ba mươi ba đồng).

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Thanh L đã bồi thường cho bị hại Lê Văn C với số tiền là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh L phải có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường cho bị hại Lê Văn C số tiền còn lại là 51.882.633 đồng (năm mươi một triệu, tám trăm tám mươi hai nghìn, sáu trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng)

án phí hình sự sơ thẩm và 2.594.000 (hai triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, tổng cộng bị cáo phải chịu là 2.794.000 đồng (hai triệu bảy trăm chín mươi bốn nghìn đồng) và bị cáo còn phải nộp đủ số tiền này

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xét xử phúc thẩm.

6. Quyền về yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh V;
- VKSND tỉnh V;
- VKSND khu vực X – V;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh V;
- THA dân sự tỉnh V;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh V;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh V;
- Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh V;
- Bị cáo; bị hại.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Bộ phận thi hành án hình sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Thị Thanh Huệ**